名古屋市営バス　稲西営業所　所属車両リスト

局番	車台形式	購入年月	配置営業所 H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	R5.1	R6.4	R7.3	局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
NH-207	PDG-KV234N2	H19 12	鳴尾								稲西																			NH-207	2043	Jbus	AT	○			
NH-239	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製			稲西																								NH-239	2625	Jbus	MT	○			
NH-240	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製			稲西																								NH-240	2617	Jbus	MT	○			
NH-241	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製			稲西																								NH-241	2635	Jbus	MT	○			
NH-242	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製			稲西																								NH-242	2613	Jbus	MT	○			
NH-292	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製					中川										稲西												NH-292	2900	Jbus	MT	○	○		
NH-293	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製					稲西																						NH-293	2853	Jbus	MT	○	○		
NH-294	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製					稲西																						NH-294	2869	Jbus	MT	○	○		
NH-295	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製					稲西																						NH-295	2870	Jbus	MT	○	○		
NH-296	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製					稲西																						NH-296	2878	Jbus	MT	○	○		
NMH-11	PDG-KR234J2	H23 2-3	新製					稲西																						NMH-11	2929	Jbus	AT	○			
NMH-12	PDG-KR234J2	H23 2-3	新製					稲西																						NMH-12	2935	Jbus	AT	○			
NF-39	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			野並					稲西																			NF-39	2413	MBM	MT	○			
NF-50	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			野並					稲西																			NF-50	2414	MBM	MT	○			
NF-51	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			野並					稲西																			NF-51	2438	MBM	MT	○			
NF-100	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			稲西																								NF-100	2428	MBM	MT	○			
NF-101	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			稲西																								NF-101	2429	MBM	MT	○			
NF-102	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			稲西																								NF-102	2450	MBM	MT	○			
NF-103	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			稲西																								NF-103	2451	MBM	MT	○			
NF-104	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			稲西																								NF-104	2464	MBM	MT	○			
NF-105	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			稲西																								NF-105	2465	MBM	MT	○			
NF-106	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			稲西																								NF-106	2477	MBM	MT	○			
NF-107	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製			稲西																								NF-107	2478	MBM	MT	○			
NF-448	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																								稲西			NF-448	4570	MBM	AT	○	○		
NF-449	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																								稲西			NF-449	4579	MBM	AT	○	○		
NF-450	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																								稲西			NF-450	4580	MBM	AT	○	○		
NF-451	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																								稲西			NF-451	4606	MBM	AT	○	○		
NF-452	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																								稲西			NF-452	4607	MBM	AT	○	○		
NF-453	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																								稲西			NF-453	4626	MBM	AT	○	○		
NF-454	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																								稲西			NF-454	4625	MBM	AT	○	○		
NF-519	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-519	4685	MBM	AT	○	○		
NF-520	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-520	4690	MBM	AT	○	○		
NF-521	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-521	4699	MBM	AT	○	○		
NF-522	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-522	4720	MBM	AT	○	○		
NF-523	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-523	4736	MBM	AT	○	○		
NF-524	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-524	4756	MBM	AT	○	○		
NF-525	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-525	4761	MBM	AT	○	○		

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																									局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
			H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	R5.1	R6.4	R7.3							
NF-526	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-526	4770	MBM	AT	○	○		
NF-527	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-527	4783	MBM	AT	○	○		
NF-528	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-528	4790	MBM	AT	○	○		
NF-529	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-529	4831	MBM	AT	○	○		
NF-530	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-530	4838	MBM	AT	○	○		
NF-531	2PG-MP38FK	R5 8-2	新製																									稲西		NF-531	4841	MBM	AT	○	○		
NF-616	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										稲西	NF-616	4918	MBM	AT	○	○		
NF-617	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										稲西	NF-617	4927	MBM	AT	○	○		
NF-618	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										稲西	NF-618	4945	MBM	AT	○	○		
NF-619	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										稲西	NF-619	4959	MBM	AT	○	○		
NF-620	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										稲西	NF-620	4973	MBM	AT	○	○		
NF-621	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										稲西	NF-621	4986	MBM	AT	○	○		
NF-622	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										稲西	NF-622	4999	MBM	AT	○	○		
NF-623	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										稲西	NF-623	5012	MBM	AT	○	○		
NF-624	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										稲西	NF-624	5030	MBM	AT	○	○		
NF-625	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										稲西	NF-625	5044	MBM	AT	○	○		
NF-626	2PG-MP38FK	R6 8-2	新製																										稲西	NF-626	5066	MBM	AT	○	○		
NS-88	PDG-LV234N2	H20 1-3	稲西																											NS-88	2179	Jbus	AT	○			
NS-127	PDG-LV234N2	H20 1-3	野並								稲西																			NS-127	2164	Jbus	AT	○			
NS-129	PDG-LV234N2	H20 1-3	野並								稲西																			NS-129	2186	Jbus	AT	○			
NS-153	PKG-LV234N2	H20 12	新製		稲西																									NS-153	2310	Jbus	MT	○			
NS-154	PKG-LV234N2	H20 12	新製		稲西																									NS-154	2311	Jbus	MT	○			
NS-155	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製		稲西																									NS-155	2328	Jbus	MT	○			
NS-156	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製		稲西																									NS-156	2329	Jbus	MT	○			
NS-157	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製		稲西																									NS-157	2344	Jbus	MT	○			
NS-158	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製		稲西																									NS-158	2345	Jbus	MT	○			
NS-159	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製		稲西																									NS-159	2361	Jbus	MT	○			
NS-220	LKG-LV234N3	H22 11	新製					稲西																						NS-220	2837	Jbus	MT	○	○		貸切(H30～)
NS-221	LKG-LV234N3	H22 11	新製					稲西																						NS-221	2838	Jbus	MT	○	○		
NS-222	LKG-LV234N3	H22 11	新製					稲西																						NS-222	2841	Jbus	MT	○	○		
NS-223	LKG-LV234N3	H22 11	新製					稲西																						NS-223	2843	Jbus	MT	○	○		
NS-245	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								稲西																			NS-245	3031	Jbus	MT	○	○		
NS-246	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								稲西																			NS-246	3032	Jbus	MT	○	○		
NS-248	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								稲西																			NS-248	3062	Jbus	MT	○	○		
NS-249	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								稲西																			NS-249	3075	Jbus	MT	○	○		
NS-250	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								稲西																			NS-250	3076	Jbus	MT	○	○		
NS-251	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								稲西																			NS-251	3093	Jbus	MT	○	○		
NS-252	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								稲西																			NS-252	3094	Jbus	MT	○	○		

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																									局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
			H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4	H28.4	H28.8	H29.4	H30.1	H30.3	H31.3	R2.4	R3.4	R4.4	R5.1	R6.4	R7.3							
NS-253	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								稲西																			NS-253	3102	Jbus	MT	○	○		
NS-254	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製								稲西																			NS-254	3103	Jbus	MT	○	○		
NS-379	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製																				稲西							NS-379	4032	Jbus	AT	○	○		
NS-380	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製																				稲西							NS-380	4033	Jbus	AT	○	○		
NS-381	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製																				稲西							NS-381	4062	Jbus	AT	○	○		
NS-411	2RG-LV290N3	R3 7	新製																						稲西					NS-411	4418	Jbus	AT	○	○		※配置はR3年7月
NS-418	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製																							稲西				NS-418	4459	Jbus	AT	○	○		
NS-419	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製																							稲西				NS-419	4476	Jbus	AT	○	○		
NS-420	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製																							稲西				NS-420	4477	Jbus	AT	○	○		
NMS-68	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製			稲西																								NMS-68	2703	Jbus	AT	○			
NMS-69	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製			稲西																								NMS-69	2709	Jbus	AT	○			
NMS-70	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製			稲西																								NMS-70	2710	Jbus	AT	○			
NMS-71	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製			稲西																								NMS-71	2720	Jbus	AT	○			
NMS-117	2KG-LR290J4	R1 12	新製																					稲西						NMS-117	4200	Jbus	AMT	○	○		
NMS-118	2KG-LR290J4	R1 12	新製																					稲西						NMS-118	4201	Jbus	AMT	○	○		
NMS-119	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					稲西						NMS-119	4217	Jbus	AMT	○	○		
NMS-120	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					稲西						NMS-120	4218	Jbus	AMT	○	○		
NMS-121	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					稲西						NMS-121	4231	Jbus	AMT	○	○		
NMS-122	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																					稲西						NMS-122	4232	Jbus	AMT	○	○		
NMS-163	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製																						稲西					NMS-163	4341	Jbus	AT	○	○		
NMS-164	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製																						稲西					NMS-164	4358	Jbus	AT	○	○		
NMS-165	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製																						稲西					NMS-165	4359	Jbus	AT	○	○		